

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 110, 116, 117, 118 và 119 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 301/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/ Bà Nguyễn Thị Ngọc T; sinh năm: 1997; CCCD số 079197035766 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 19/02/2022; Địa chỉ: F Miếu B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Nguyễn Hoài T1; sinh năm: 1994; CCCD số 082094003987 do Bộ C cấp ngày 18/9/2024; Thường trú: Khu phố L, phường B, tỉnh Đồng Tháp; Nơi ở hiện tại: A đường số H, Khu phố A, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hoài T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2016, ngày 12/9/2016 do Ủy ban nhân dân xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang cấp.

Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm về cuộc sống. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, do đó ông T1 và bà T yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông T1 và bà T có 02 con chung tên Nguyễn Hoài N, sinh ngày 12/01/2014 và Nguyễn Hoài N1, sinh ngày 30/5/2016. Cả hai thỏa thuận sau khi ly hôn giao con chung Nguyễn Hoài N, sinh ngày 12/01/2014 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T1 không cấp dưỡng nuôi con chung; giao con chung Nguyễn Hoài N1, sinh ngày

30/5/2016 cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho ông T1 và bà T do cả hai bên chưa yêu cầu.

[3] Về tài sản chung: Ông T1 và bà T xác nhận không có.

[4] Về nợ chung: Ông T1 và bà T xác nhận không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hoài T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của ông Nguyễn Hoài T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2016 do Ủy ban nhân dân xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 12/9/2016) chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông T1 và bà T có 02 con chung tên Nguyễn Hoài N, sinh ngày 12/01/2014 và Nguyễn Hoài N1, sinh ngày 30/5/2016. Cả hai thỏa thuận sau khi ly hôn giao con chung Nguyễn Hoài N, sinh ngày 12/01/2014 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T1 không cấp dưỡng nuôi con chung; giao con chung Nguyễn Hoài N1, sinh ngày 30/5/2016 cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho ông T1 và bà T do cả hai bên chưa yêu cầu.

+ Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

+ Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

+ Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Khi cần thiết, ông T1 và bà T có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông T1 và bà T xác nhận không có.

- Về nợ chung: Ông T1 và bà T xác nhận không có.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Lệ phí thuận tình ly hôn là 300.000 đồng ông T1 và bà T phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông T1 và bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009308 ngày 30/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T1 và bà T đã nộp đủ lệ phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng

cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- VKSND Khu vực 9 – TP. Hồ Chí Minh;
- THADS TPHCM;
- Đường sự
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Tô Thị Ngọc Phượng**